

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý - Chi tiết máy - MH1102132

Mã lớp học phần: 24311MH110213201 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tường - (02012)

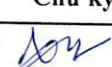
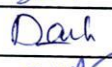
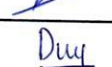
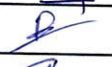
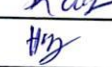
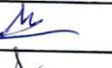
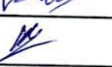
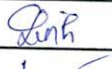
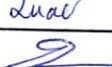
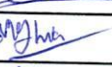
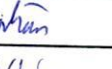
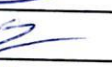
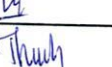
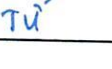
Ngày thi: 30/5/25 Giờ thi: 9h00 Phòng thi: A1.6

Giám thị 1: Phan Th. Tường Ký tên: 

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040010	Nguyễn Hoài Ân	04/09/2006	C26CK1		6,0	Sáu, không	
2	2410040012	Trần Tấn Danh	19/05/2006	C26CK1		5,0	Năm, không	
3	2410040023	Lê Nhật Duy	08/04/2006	C26CK1		6,0	Sáu, không	
4	2410040026	Nguyễn Hoàng Duy	02/07/2006	C26CK1		5,0	Năm, không	
5	2410040018	Nguyễn Khánh Duy	11/07/2006	C26CK1		6,5	Sáu, năm	
6	2410040022	Nguyễn Trí Duy	14/08/2006	C26CK1		6,0	Sáu, không	
7	2410040015	Bao Thành Giới	28/12/2006	C26CK1		6,0	Sáu, không	
8	2410040014	Phạm Phúc Hậu	05/01/2006	C26CK1		6,0	Sáu, không	
9	2410040031	Lê Gia Huy	15/03/2005	C26CK1		5,5	Sáu, năm	
10	2410040004	Nguyễn Khắc Huy	01/06/2006	C26CK1		6,0	Sáu, không	
11	2410040003	Trần Gia Huy	21/6/2006	C26CK1		5,5	Năm, năm	
12	2410040007	Nguyễn Tuấn Kha	12/11/2006	C26CK1		7,0	Bảy, không	
13	2410040017	Nguyễn Tuấn Khang	26/07/2006	C26CK1		5,5	Năm, năm	
14	2410040025	Nguyễn Văn Linh	26/10/2006	C26CK1		5,0	Năm, không	
15	2410040029	Trần Minh Luân	28/02/2006	C26CK1		5,5	Năm, năm	
16	2410040001	Tô Ngọc Minh	19/12/1996	C26CK1		5,0	Năm, không	
17	2410030001	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/10/2006	C26CK1		5,0	Năm, không	
18	2410040008	Hồ Nguyễn Thành Nhân	30/01/2006	C26CK1		6,0	Sáu, không	
19	2410040020	Lê Minh Nhật	15/03/2006	C26CK1		6,0	Sáu, không	
20	2410040027	Trần Hoàng Phúc	10/08/2006	C26CK1		5,5	Năm, năm	
21	2410040030	Bùi Thanh Sang	12/01/2006	C26CK1		6,0	Sáu, không	
22	2410040006	Lê Lê Anh Sự	18/8/2006	C26CK1		6,0	Sáu, không	
23	2410040013	Võ Thành Thái	15/11/2006	C26CK1		6,0	Sáu, không	
24	2410040019	Đặng Lê Quốc Thịnh	18/08/2006	C26CK1		7,0	Bảy, không	
25	2410040024	Nguyễn Trung Trục	05/09/2006	C26CK1				
26	2410040021	Lương Lê Tứ	12/05/2005	C26CK1		6,5	Sáu, năm	L2

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410040009	Phạm Như Xuân	01/01/2006	C26CK1		7.0	Bảy, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 01. Số bài thi: 26 / 26.

Ngày: 04 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 02 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tường



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý - Chi tiết máy - MH1102132

Mã lớp học phần: 24311MH110213201 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tường - (02012)

Ngày thi: 30/5/25 Giờ thi: 9h00 Phòng thi: A16

Giám thị 1: Phan Thành Tường Ký tên: Phan

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040045	Nguyễn Tuấn Duy	02/06/2006	C26CK2	Duy	6,0	Sáu, không	
2	2410040035	Phan Thanh Giàu	30/01/2006	C26CK2				L2
3	2410040037	Lê Vũ Hào	18/12/2005	C26CK2		5,0	Năm, không	
4	2410040054	Phạm Minh Hiếu	16/10/2004	C26CK2				L2
5	2410040036	Lê Minh Kha	15/05/2006	C26CK2	Kha	7,0	Bảy, không	
6	2410040033	Trần Nguyễn Anh Khoa	18/01/2006	C26CK2	nhoc	6,5	Sáu, năm	L2
7	2410040048	Võ Anh Kiệt	21/02/2006	C26CK2	Kiệt	7,0	Bảy, không	
8	2410040032	Hà Khánh Luân	04/10/2005	C26CK2	Ly	5,0	Năm, không	
9	2410040042	Lê Đình Tấn Phát	14/03/2002	C26CK2	Pho	6,0	Sáu, không	
10	2410100013	Nguyễn Hoàng Phát	10/02/2005	C26CK2	Pho	6,0	Sáu, không	
11	2410040050	Nguyễn Huỳnh Long Phi	17/08/2006	C26CK2	Phi	5,5	Năm, năm	
12	2410040034	Nguyễn Hữu Sang	02/06/2005	C26CK2	Sang	5,5	Năm, năm	
13	2410040043	Nguyễn Anh Tài	11/04/2006	C26CK2	Tai	5,5	Năm, năm	
14	2410040038	Lê Hoài Thương	01/02/2006	C26CK2		6,0	Sáu, không	
15	2410040053	Đoàn Nguyễn Quốc Tuấn	25/10/2005	C26CK2	Tu	6,0	Sáu, không	
16	2410040044	Huỳnh Anh Tú	17/06/2006	C26CK2	Tu	5,0	Năm, không	L2
17	2410040039	Nguyễn Tuấn Vũ	18/03/2006	C26CK2	Tu	5,0	Năm, không	
18	2410040041	Nguyễn Gia Yên	01/06/2006	C26CK2	Yen	6,5	Sáu, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 02 . Số bài thi: 16 / 16

Ngày 05 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 02 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thành Tường



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý - Chi tiết máy - MH1102132

Mã lớp học phần: 24311MH110213201 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tường - (02012)

Ngày thi: 30/5/25 Giờ thi: 9h00 Phòng thi: A1.6

Giám thị 1: Phan Thành Tường Ký tên:

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210040096	Lê Phước Hải	26/03/2004	C24CK3		6.0	Sáu, Không	L2

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0. Số bài thi: 1 / 1

Ngày: 14 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 02 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thành Tường

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý - Chi tiết máy - MH1102132

Mã lớp học phần: 24311MH110213201 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành, Tường - (02012)

Ngày thi: 20/5/25 Giờ thi: 9h00 Phòng thi: A1.6

Giám thị 1: Phan Thành Tường Ký tên: 

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310040053	Phan Thanh Toàn	10/09/2005	C25CK2		5.0	Năm, Không	L2

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 Số bài thi: 01 / 01

Ngày: 04 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

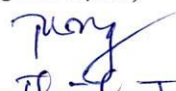
(ký & ghi rõ họ tên)


ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 02 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Phan Thành Tường



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý - Chi tiết máy - MH1102132

Mã lớp học phần: 24311MH110213201 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tường - (02012)

Ngày thi: 11/7/25 Giờ thi: 9h00 Phòng thi: A1.6

Giám thị 1: Phan Thành Tường Ký tên: Phan Thành Tường

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ân	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040010	Nguyễn Hoài	Ân	04/09/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	6,5	Sáu, năm	
2	2410040012	Trần Tấn	Danh	19/05/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	5,4	Năm, bốn	
3	2410040023	Lê Nhật	Duy	08/04/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	6,3	Sáu, ba	
4	2410040026	Nguyễn Hoàng	Duy	02/07/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	5,5	Năm, năm	
5	2410040018	Nguyễn Khánh	Duy	11/07/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	6,7	Sáu, bảy	
6	2410040022	Nguyễn Trí	Duy	14/08/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	6,5	Sáu, năm	
7	2410040015	Bao Thành	Giỏi	28/12/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	6,7	Sáu, bảy	
8	2410040014	Phạm Phúc	Hậu	05/01/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	6,7	Sáu, bảy	
9	2410040031	Lê Gia	Huy	15/03/2005	C26CK1	<u>Đan</u>	6,7	Sáu, bảy	
10	2410040004	Nguyễn Khắc	Huy	01/06/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	6,5	Sáu, năm	
11	2410040003	Trần Gia	Huy	21/6/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	6,0	Sáu, không	
12	2410040007	Nguyễn Tuấn	Kha	12/11/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	7,5	Bảy, năm	
13	2410040017	Nguyễn Tuấn	Khang	26/07/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	5,8	Năm, tám	
14	2410040025	Nguyễn Văn	Linh	26/10/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	5,5	Năm, năm	
15	2410040029	Trần Minh	Luân	28/02/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	6,3	Sáu, ba	
16	2410040001	Tô Ngọc	Minh	19/12/1996	C26CK1	<u>Đan</u>	5,3	Năm, ba	
17	2410030001	Nguyễn Trọng	Nghĩa	11/10/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	5,4	Năm, bốn	
18	2410040008	Hồ Nguyễn Thành	Nhân	30/01/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	6,5	Sáu, năm	
19	2410040020	Lê Minh	Nhật	15/03/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	6,5	Sáu, năm	
20	2410040027	Trần Hoàng	Phúc	10/08/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	5,7	Năm, bảy	
21	2410040030	Bùi Thanh	Sang	12/01/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	6,5	Sáu, năm	
22	2410040006	Lê Lê Anh	Sự	18/8/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	6,7	Sáu, bảy	
23	2410040013	Võ Thành	Thái	15/11/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	6,7	Sáu, bảy	
24	2410040019	Đặng Lê Quốc	Thịnh	18/08/2006	C26CK1	<u>Đan</u>	7,5	Bảy, năm	
25	2410040024	Nguyễn Trung	Trực	05/09/2006	C26CK1	<u>Đan</u>			
26	2410040021	Lương Lê	Tứ	12/05/2005	C26CK1	<u>Đan</u>	6,8	Sáu, tám	L2

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410040009	Phạm Như Xuân	01/01/2006	C26CK1		7,5	Bảy, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 01 . Số bài thi: 26 / 26 .

Ngày 14 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 12 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tùng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý - Chi tiết máy - MH1102132

Mã lớp học phần: 24311MH110213201 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tường - (02012)

Ngày thi: 11/7/25 Giờ thi: 9h00 Phòng thi: A1.6

Giám thị 1: Phan Thành Tường Ký tên:

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040045	Nguyễn Tuấn Duy	02/06/2006	C26CK2	Duy	7,0	Bảy, không	
2	2410040035	Phan Thanh Giàu	30/01/2006	C26CK2				L2
3	2410040037	Lê Vũ Hào	18/12/2005	C26CK2		5,5	Năm, năm	
4	2410040054	Phạm Minh Hiếu	16/10/2004	C26CK2				L2
5	2410040036	Lê Minh Kha	15/05/2006	C26CK2	Kha	7,3	Bảy, ba	
6	2410040033	Trần Nguyễn Anh Khoa	18/01/2006	C26CK2	Khoa	6,7	Sáu, bảy	L2
7	2410040048	Võ Anh Kiệt	21/02/2006	C26CK2	Kiệt	7,5	Bảy, năm	
8	2410040032	Hà Khánh Luân	04/10/2005	C26CK2	Lu	5,7	Năm, bảy	
9	2410040042	Lê Đình Tấn Phát	14/03/2002	C26CK2	Pho	6,8	Sáu, tám	
10	2410100013	Nguyễn Hoàng Phát	10/02/2005	C26CK2	Phon	6,7	Sáu, bảy	
11	2410040050	Nguyễn Huỳnh Long Phi	17/08/2006	C26CK2	Phi	5,6	Năm, sáu	
12	2410040034	Nguyễn Hữu Sang	02/06/2005	C26CK2	Sang	6,0	Sáu, không	
13	2410040043	Nguyễn Anh Tài	11/04/2006	C26CK2	Tai	5,7	Năm, bảy	
14	2410040038	Lê Hoài Thương	01/02/2006	C26CK2	Th	6,5	Sáu, năm	
15	2410040053	Đoàn Nguyễn Quốc Tuấn	25/10/2005	C26CK2		6,5	Sáu, năm	
16	2410040044	Huỳnh Anh Tú	17/06/2006	C26CK2	Tu	5,7	Năm, bảy	L2
17	2410040039	Nguyễn Tuấn Vũ	18/03/2006	C26CK2	Tu	5,4	Năm, bốn	
18	2410040041	Nguyễn Gia Yên	01/06/2006	C26CK2	Y	7,0	Bảy, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 02. Số bài thi: 16 / 16.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 12 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thành Tường



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý - Chi tiết máy - MH1102132

Mã lớp học phần: 24311MH110213201 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tường - (02012)

Ngày thi: 11/7/25 Giờ thi: 8h00 Phòng thi: A16

Giám thị 1: Phan Thành Tường Ký tên: P.T.

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210040096	Lê Phước Hải	26/03/2004	C24CK3	<u>hải</u>	<u>6,3</u>	<u>Sáu, ba</u>	<u>L2</u>

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / 1 / 1 .

Ngày 14 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 17 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thành Tường



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý - Chi tiết máy - MH1102132

Mã lớp học phần: 24311MH110213201 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tường - (02012)

Ngày thi: 11/7/25 Giờ thi: 9h00 Phòng thi: A1.6

Giám thị 1: Phan Thành Tường Ký tên:

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310040053	Phan Thanh Toàn	10/09/2005	C25CK2		5.0	Năm, Không	L2

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0. Số bài thi: 01 / 01.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 12 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thành Tường

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG KHẢO THI VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý - Chi tiết máy - MH1102132

Giám thị 1: Lê Anh Thy Thy

Ký tên:

Mã lớp học phần: 24311MH110213201

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Trần Thị Tuyền

Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tường

Giám thị 3:

Ký tên:

Ngày thi: 25/07/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: A1.11

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410040010	Nguyễn Hoài Ân	04/09/2006		1	2,5	Hai, năm	C26CK1	
2	2410040012	Trần Tấn Danh	19/05/2006		1	3,0	Ba, không	C26CK1	
3	2410040023	Lê Nhật Duy	08/04/2006		1	2,0	Hai, không	C26CK1	
4	2410040026	Nguyễn Hoàng Duy	02/07/2006		1	2,0	Hai, không	C26CK1	
5	2410040018	Nguyễn Khánh Duy	11/07/2006		1	3,0	Ba, không	C26CK1	
6	2410040022	Nguyễn Trí Duy	14/08/2006		1	8,0	Tám, không	C26CK1	
7	2410040045	Nguyễn Tuấn Duy	02/06/2006		1	4,0	Bốn, không	C26CK2	
8	2410040015	Bao Thành Giới	28/12/2006		1	2,5	Hai, năm	C26CK1	
9	2210040096	Lê Phước Hải	26/03/2004		✓	✓	✓	C24CK3	
10	2410040037	Lê Vũ Hảo	18/12/2005		2	1,0	Một, không	C26CK2	
11	2410040014	Phạm Phúc Hậu	05/01/2006		1	3,0	Ba, không	C26CK1	
12	2410040031	Lê Gia Huy	15/03/2005		1	2,5	Hai, năm	C26CK1	
13	2410040004	Nguyễn Khắc Huy	01/06/2006		1	1,5	Một, năm	C26CK1	
14	2410040003	Trần Gia Huy	21/6/2006		1	1,0	Một, không	C26CK1	
15	2410040036	Lê Minh Kha	15/05/2006		1	4,0	Bốn, không	C26CK2	
16	2410040007	Nguyễn Tuấn Kha	12/11/2006		1	8,0	Tám, không	C26CK1	
17	2410040017	Nguyễn Tuấn Khang	26/07/2006		1	3,0	Ba, không	C26CK1	
18	2410040048	Võ Anh Kiệt	21/02/2006		2	9,0	Chín, không	C26CK2	
19	2410040025	Nguyễn Văn Linh	26/10/2006		1	1,0	Một, không	C26CK1	
20	2410040032	Hà Khánh Luân	04/10/2005		1	3,0	Ba, không	C26CK2	
21	2410040029	Trần Minh Luân	28/02/2006		1	4,5	Bốn, năm	C26CK1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 20 vắng thi: 01. Số bài thi/Số tờ: 20 / 22.

Số sinh viên đạt: 6 Tỷ lệ đạt: 30 %

Ngày 01 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 27 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Thành Tường

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTĐN
**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý - Chi tiết máy - MH1102132

Mã lớp học phần: 24311MH110213201 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phan Thành Tường

Ngày thi: 25/07/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: Trương Thị Ngọc Thu

Ký tên: 

Giám thị 2: Nguyễn Tiến Dũng

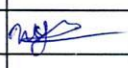
Ký tên: 

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410040001	Tô Ngọc Minh	19/12/1996	✓	✓	✓	✓	C26CK1	
2	2410030001	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/10/2006		1	1,0	Mok, không	C26CK1	
3	2410040008	Hồ Nguyễn Thành Nhân	30/01/2006		1	1,5	Mok, năm	C26CK1	
4	2410040020	Lê Minh Nhật	15/03/2006		1	5,0	Năm, không	C26CK1	
5	2410040042	Lê Đình Tấn	14/03/2002		1	7,5	Bạc, năm	C26CK2	
6	2410100013	Nguyễn Hoàng Phát	10/02/2005		1	4,0	Bạc, không	C26CK2	
7	2410040050	Nguyễn Huỳnh Long Phi	17/08/2006		1	2,0	Hai, không	C26CK2	
8	2410040027	Trần Hoàng Phúc	10/08/2006		1	2,0	Hai, không	C26CK1	
9	2410040030	Bùi Thanh Sang	12/01/2006		1	5,5	Năm, năm	C26CK1	
10	2410040034	Nguyễn Hữu Sang	02/06/2005		1	6,0	Sáu, không	C26CK2	
11	2410040006	Lê Lê Anh Sự	18/8/2006		1	4,5	Bốn, năm	C26CK1	
12	2410040043	Nguyễn Anh Tài	11/04/2006		1	3,5	Ba, năm	C26CK2	
13	2410040013	Võ Thành Thái	15/11/2006		1	5,0	Năm, không	C26CK1	
14	2410040019	Đặng Lê Quốc Thịnh	18/08/2006		2	4,0	Bốn, không	C26CK1	
15	2410040038	Lê Hoài Thương	01/02/2006		1	4,0	Bốn, không	C26CK2	
16	2410040053	Đoàn Nguyễn Quốc Tuấn	25/10/2005		1	7,0	Bảy, không	C26CK2	
17	2410040021	Lương Lê Tứ	12/05/2005		1	5,0	Năm, không	C26CK1	
18	2410040039	Nguyễn Tuấn Vũ	18/03/2006		1	2,5	Hai, năm	C26CK2	
19	2410040009	Phạm Như Xuân	01/01/2006		1	8,0	Tám, không	C26CK1	
20	2410040041	Nguyễn Gia Yên	01/06/2006		1	4,5	Bốn, năm	C26CK2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 19 vắng thi: 01 Số bài thi/Số tờ: 19 / 20

Số sinh viên đạt: 13 Tỷ lệ đạt: 68,4%

Ngày 01 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 27 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Phan Thành Tường